



TRỌN BỘ BIỂU MẪU THÔNG TƯ 89/2026/TT-BTC VỀ HỒ SƠ KHAI THUẾ

LỜI GIỚI THIỆU	2
I. Hồ sơ khai thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh	3
II. Hồ sơ thuế thu nhập cá nhân	3
III. Hồ sơ khai bổ sung và quản lý hồ sơ thuế	6
IV. Hồ sơ thuế giá trị gia tăng	6
V. Hồ sơ thuế thu nhập doanh nghiệp.....	7
VI. Thuế tài nguyên và thuế bảo vệ môi trường	8
VII. Thuế sử dụng đất và tiền thuê đất	8
VIII. Phí, lệ phí và các khoản thu khác	9
NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ KHAI VÀ NỘP HỒ SƠ THUẾ	10
1. Khai thuế chính xác, trung thực và đầy đủ	10
2. Hồ sơ thuế điện tử	10
3. Không phải nộp lại thông tin đã có trong hệ thống	11
4. Hệ thống có thể hỗ trợ tạo lập tờ khai	11
FAST ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN, THUẾ	12

LỜI GIỚI THIỆU

Từ ngày 1-7-2026, Thông tư 89/2026/TT-BTC chính thức có hiệu lực, đồng thời ban hành hệ thống biểu mẫu mới về hồ sơ khai thuế và quản lý thuế. Những thay đổi này khiến doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người làm công tác kế toán cần cập nhật kịp thời để sử dụng đúng mẫu biểu trong quá trình kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế.

Nhằm hỗ trợ việc tra cứu thuận tiện hơn, tài liệu “**Trọn bộ Biểu mẫu Thông tư 89/2026/TT-BTC về Hồ sơ khai thuế**” tổng hợp các mẫu biểu được ban hành kèm theo Thông tư, giúp người đọc dễ dàng tìm kiếm và tham khảo theo từng nhóm hồ sơ. Nội dung bao gồm các mẫu khai bổ sung, giải trình hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai thuế GTGT, TNDN, TNCN và nhiều loại thuế, hồ sơ khác theo quy định.

Tài liệu được tổng hợp dựa trên Thông tư 89/2026/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan, nhằm cung cấp nguồn tham khảo thuận tiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, kế toán và các cá nhân quan tâm đến việc cập nhật quy định thuế.

Tài liệu mang tính chất tham khảo. Khi thực hiện kê khai thuế, người đọc nên đối chiếu với văn bản pháp luật hiện hành và hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế.

I. Hồ sơ khai thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
1	<u>01/TKN-CNKD</u>	Thông báo doanh thu/Tờ khai thuế năm đối với hộ, cá nhân kinh doanh
2	<u>02/CNKD-TNCN-QTT</u>	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với hộ, cá nhân kinh doanh
3	<u>01/XSBHDCMG-CNKD</u>	Tờ khai thuế TNCN đối với hoạt động đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp
4	<u>01/BK-XSBHDCMG</u>	Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp
5	<u>01/TCKT</u>	Tờ khai thuế của tổ chức khai thay cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức, cá nhân cho thuê bất động sản
6	<u>01/BK-KTHTKD</u>	Phụ lục Bảng kê chi tiết hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

II. Hồ sơ thuế thu nhập cá nhân

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
7	<u>02/QTT-TNCN</u>	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công

8	<u>05/KK-TNCN</u>	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công
9	<u>05-1/PBT-KK-TNCN</u>	Bảng xác định thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và trúng thưởng
10	<u>05/QTT-TNCN</u>	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công
11	<u>05-1/BK-QTT-TNCN</u>	Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần
12	<u>05-2/BK-QTT-TNCN</u>	Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần
13	<u>05-3/BK-QTT-TNCN</u>	Bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh
14	<u>02/KK-TNCN</u>	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công
15	<u>02-1/BK-QTT-TNCN</u>	Bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc
16	<u>04/NNG-TNCN</u>	Tờ khai thuế đối với cá nhân trực tiếp khai thuế thu nhập
17	<u>03/BĐS-TNCN</u>	Tờ khai thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

18	<u>06/TNCN</u>	Tờ khai thuế đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế thu nhập của cá nhân cư trú và không cư trú
19	<u>06-1/BK-TNCN</u>	Bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế
20	<u>06-2/BK-TNCN</u>	Bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập từ nhận cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ESOP trong năm tính thuế
21	<u>04/ĐTV-TNCN</u>	Tờ khai thuế TNCN đối với cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu
22	<u>04-1/ĐTV-TNCN</u>	Bảng kê chi tiết cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu đối với tổ chức khai thuế thay cho cá nhân
23	<u>08/UQ-QTT-TNCN</u>	Giấy ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân
24	<u>04/CNV-TNCN</u>	Tờ khai thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp
25	<u>04-1/CNV-TNCN</u>	Bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn đối với tổ chức khai thuế thay cho cá nhân
26	<u>04/TKQT-TNCN</u>	Tờ khai thuế TNCN đối với cá nhân nhận chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá

III. Hồ sơ khai bổ sung và quản lý hồ sơ thuế

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
27	<u>01/KHBS</u>	Tờ khai bổ sung hồ sơ khai thuế
28	<u>01-1/KHBS</u>	Bản giải trình khai bổ sung hồ sơ khai thuế
29	<u>01/VBGT</u>	Văn bản giải trình hồ sơ khai thuế
30	<u>01/GHKT</u>	Văn bản đề nghị gia hạn nộp hồ sơ khai thuế

IV. Hồ sơ thuế giá trị gia tăng

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
31	<u>01/GTGT</u>	Tờ khai thuế GTGT áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh
32	<u>05/GTGT</u>	Tờ khai thuế GTGT áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động xây dựng
33	<u>02/GTGT</u>	Tờ khai thuế GTGT áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư
34	<u>03/GTGT</u>	Tờ khai thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng

35	<u>04/GTGT</u>	Tờ khai thuế GTGT áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu
36	<u>01/ĐK-TĐKTT</u>	Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý

V. Hồ sơ thuế thu nhập doanh nghiệp

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
37	<u>01/TTĐB</u>	Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt
38	<u>02/TNDN</u>	Tờ khai thuế TNDN áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tài sản khác theo từng lần phát sinh
39	<u>03/TNDN</u>	Tờ khai quyết toán thuế TNDN áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí
40	<u>04/TNDN</u>	Tờ khai thuế TNDN áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu
41	<u>05/TNDN</u>	Tờ khai thuế TNDN áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của DNNN
42	<u>06/TNDN</u>	Tờ khai thuế TNDN áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với BĐS
43	<u>07/TNDN</u>	Tờ khai thuế TNDN áp dụng đối với hoạt động chia lợi tức cho tổ chức đầu tư của Quỹ đầu tư chứng khoán

VI. Thuế tài nguyên và thuế bảo vệ môi trường

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
44	<u>01/TAİN</u>	Tờ khai thuế tài nguyên, khai quyết toán thuế tài nguyên
45	<u>01-1/TAİN</u>	Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện
46	<u>01/TBVMТ</u>	Tờ khai thuế bảo vệ môi trường

VII. Thuế sử dụng đất và tiền thuê đất

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
47	<u>01/TK-SDDPNN</u>	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân
48	<u>02/TK-SDDPNN</u>	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp áp dụng đối với tổ chức
49	<u>03/TKTH-SDDPNN</u>	Tờ khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
50	<u>01/SDDNN</u>	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng đối với tổ chức có đất chịu thuế
51	<u>02/SDDNN</u>	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế

52	<u>03/SDDNN</u>	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng đối với đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần
53	<u>01/TMĐN</u>	Tờ khai tiền thuê đất áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước

VIII. Phí, lệ phí và các khoản thu khác

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
54	<u>01/PBVM</u>	Tờ khai phí bảo vệ môi trường
55	<u>01/PH</u>	Tờ khai phí
56	<u>01/LP</u>	Tờ khai lệ phí
57	<u>01/LPTB</u>	Tờ khai lệ phí trước bạ áp dụng đối với nhà, đất
58	<u>02/LPTB</u>	Tờ khai lệ phí trước bạ áp dụng đối với tàu thuyền và tài sản khác trừ nhà, đất
59	<u>01/QT-LNCL</u>	Tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại nộp ngân sách nhà nước
60	<u>01-1/QT-LNCL</u>	Bảng phân bổ số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán
61	<u>01/CTLNĐC</u>	Tờ khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước

62	<u>01/PHLPNG</u>	Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước CHXHCNVN ở nước ngoài thực hiện thu
63	<u>02/PHLPNG</u>	Tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước CHXHCNVN ở nước ngoài thực hiện thu
64	<u>02-1/PHLPNG</u>	Phụ lục bảng kê phí, lệ phí và các khoản thu khác phải nộp theo từng cơ quan đại diện nước CHXHCNVN ở nước ngoài thực hiện thu

NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ KHAI VÀ NỘP HỒ SƠ THUẾ

Theo **Điều 6 Thông tư 89/2026/TT-BTC**, người nộp thuế cần tuân thủ các nguyên tắc chung trong quá trình lập và nộp hồ sơ thuế.

1. Khai thuế chính xác, trung thực và đầy đủ

Người nộp thuế có trách nhiệm khai **chính xác, trung thực, đầy đủ** các nội dung trong hồ sơ thuế theo biểu mẫu được ban hành tại Thông tư 89/2026/TT-BTC.

Đồng thời, người nộp thuế phải nộp đầy đủ chứng từ, tài liệu theo quy định. Trường hợp thành phần hồ sơ không có mẫu được ban hành tại Thông tư nhưng pháp luật có liên quan quy định mẫu thì thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Hồ sơ thuế điện tử

Đối với trường hợp nộp hồ sơ thuế theo phương thức điện tử, việc cung cấp giấy tờ, tài liệu được thực hiện theo quy định tương ứng.

Trường hợp	Cách thực hiện
------------	----------------

Hồ sơ yêu cầu bản sao giấy tờ, tài liệu	Nộp bản sao điện tử nếu giấy tờ, tài liệu được lập dưới dạng văn bản giấy
Hồ sơ yêu cầu bản chính hoặc bản sao có chứng thực	Nộp bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính nếu tài liệu được lập dưới dạng văn bản giấy
Giấy tờ, tài liệu được tạo lập dưới dạng điện tử	Nộp giấy tờ, tài liệu được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử

3. Không phải nộp lại thông tin đã có trong hệ thống

Người nộp thuế **không phải nộp lại** các chứng từ, tài liệu đã có trong hồ sơ thuế hoặc các thông tin mà Hệ thống thông tin quản lý thuế đã có thể khai thác từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành được chia sẻ.

Hệ thống thông tin quản lý thuế có trách nhiệm cập nhật và hiển thị các chứng từ, tài liệu, thông tin trong hồ sơ thuế để người nộp thuế tra cứu khi thực hiện thủ tục hành chính thuế.

4. Hệ thống có thể hỗ trợ tạo lập tờ khai

Trong trường hợp thông tin, chứng từ, tài liệu cần thiết đã được cơ quan thuế kết nối và khai thác từ các cơ sở dữ liệu có liên quan, đồng thời bảo đảm đủ căn cứ để tính thuế hoặc khoản thu khác theo quy định, **Hệ thống thông tin quản lý thuế có thể tự động tạo lập tờ khai thuế** nhằm hỗ trợ người nộp thuế trong quá trình khai và tính thuế.

Quan trọng: Việc hệ thống hỗ trợ tạo lập tờ khai **không thay thế trách nhiệm của người nộp thuế** trong việc khai thuế và xác định số thuế phải nộp.

FAST ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN, THUẾ

Hệ thống biểu mẫu thuế ngày càng được số hóa, cùng với yêu cầu quản lý dữ liệu và thực hiện nghĩa vụ thuế chính xác, đúng thời hạn. Việc ứng dụng phần mềm kế toán giúp doanh nghiệp giảm bớt thao tác thủ công, tập trung dữ liệu và hỗ trợ bộ phận kế toán trong quá trình xử lý nghiệp vụ.

Phần mềm kế toán Fast Accounting Online hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ kế toán trên nền tảng trực tuyến, từ quản lý chứng từ, doanh thu, chi phí, công nợ đến tổng hợp và lập báo cáo. Phần mềm giúp dữ liệu kế toán được quản lý tập trung, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm soát hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

FAST đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình số hóa công tác kế toán và quản lý tài chính.



**ĐĂNG KÝ DÙNG THỬ MIỄN PHÍ
FAST ACCOUNTING ONLINE**

Công ty CP Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST

- Website: <https://fast.com.vn/>
- Fanpage: Công ty Phần mềm FAST
- Email: info@fast.com.vn